

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2019

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Ông Nguyễn Hữu Trọng

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **06** tháng **8** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐHPTST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị NTL, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh NHT, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị NTL và anh NHT đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị NTL trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh NHT kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ ngày 24/10/2005 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà anh T tại xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng

thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống do anh T không chu cấp tài chính để chị nuôi con, không cùng chị cùng lo lắng, chăm sóc cho con cái và thường xuyên chơi bời. Vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng từ khi chị mang thai cháu thứ 2 (tháng 6 năm 2018), giữa vợ chồng đã không còn nói chuyện, không quan tâm gì đến nhau nữa, ngày chị sinh cháu thứ hai anh T biết nhưng cũng không quan tâm gì, bỏ mặc chị và con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh NHT để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh NHT có 02 con chung là cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010, cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019. Cháu Q hiện đang ở với anh T, cháu B hiện đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu anh T có nguyện vọng nuôi con thì chị sẽ nuôi cháu thứ hai là cháu B vì cháu mới sinh, cần có sự chăm sóc của chị. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang làm công nhân thu nhập 06 triệu đồng/tháng. Sau khi ly hôn, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, nhà rộng rãi thoải mái, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn – anh NHT vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/6/2019 anh NHT trình bày:**

Về hôn nhân: Anh NHT thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị NTL trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T tại xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo anh T, quá trình chung sống với nhau vợ chồng chung sống bình thường, chỉ thỉnh thoảng mới có mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà và đi dài ngày, chị L nghi ngờ và cho rằng anh ngoại tình bên ngoài và ghen tuông nên vợ chồng có cãi nhau. Khoảng tháng 6/2019 khi anh đang đi làm thì chị L tự ý dọn quần áo về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để ở cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Trong trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010, cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019. cháu NHQ hiện đang ở với anh, cháu NHB hiện đang ở với chị L. Anh không muốn ly hôn nên anh không đặt ra vấn đề nuôi con vì anh muốn các cháu có cả bố và mẹ. Trong trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản ghi nguyện vọng: Cháu NHQ sinh ngày 03/9/2010 có nguyện vọng được ở cùng anh NHT.

Tại phiên tòa: Chị NTL và anh NHT đều có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Chị NTL đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh NHT tuy không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng đã có lời khai và có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTL và cho chị NTL được ly hôn anh NHT; Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010 cho anh NHT và cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019 cho chị NTL nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Q và cháu B tròn 18 tuổi. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị L và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NHT hiện cư trú tại xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của chị NTL và anh NHT: Chị NTL đã có lời khai, tham gia các buổi hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị NTL và anh NHT.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTL và anh NHT kết hôn năm 2005 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 24/10/2005 nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh T có bất đồng quan điểm sống và thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Theo chị L, anh T không cùng chị lo lắng, chăm sóc cho con cái. Theo anh T thì quá trình chung sống giữa vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng mới có mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà và đi dài ngày nên chị L cho rằng anh ngoại tình nên ghen tuông và vợ chồng có cãi nhau và ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị L + anh T), nay chị L không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L và cho chị L được ly hôn anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTL và anh NHT đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010, cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhưng nếu phải phân chia con thì chị có nguyện vọng nuôi dưỡng NHB, sinh ngày 05/3/2019 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh NHT đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Cháu NHQ có nguyện vọng được ở với anh T. Xét: Cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019 (mới 5 tháng tuổi) nên quyền nuôi dưỡng cháu B thuộc về chị L, cháu B còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu B cho cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Q đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T và chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTL và anh NHT không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị L và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh chị L và anh T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị NTL và anh NHT đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTL phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTL được ly hôn anh NHT.

2. Về con chung: Chị NTL và anh NHT có 02 con chung là cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010, cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019.

+ Giao cháu NHQ, sinh ngày 03/9/2010 cho anh NHT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Cháu Q đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

+ Giao cháu NHB, sinh ngày 05/3/2019 cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị NTL và anh NHT có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị NTL và anh NHT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị NTL và anh NHT cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTL phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị NTL đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/4029 ngày 22 tháng 5 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTL và anh NHT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSV/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trọng Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**